**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: ..................**  **TỔ: XÃ HỘI - NHÓM VĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN (NGỮ VĂN 6)**

**MÔN HỌC: NGỮ VĂN**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:**  **; Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**  ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: Đại học: ; Trên đại học:

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: ; Khá:.......0.....; Đạt:.....0.......; Chưa đạt:..0...

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

***Khối 6***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bộ tranh minh họa hình ảnh một số truyện tiêu biểu. | 3 | Lắng nghe lịch sử nước mình  Miền cổ tích  Những trải nghiệm trong đời |  |
| 2 | Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của văn bản truyện | 2 | Điểm tựa tinh thần  Nuôi dưỡng tinh thần |  |
| 3 | Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của các loại văn bản thơ | 2 | Vẻ đẹp quê hương  Gia đình thương yêu |  |
| 4 | Bộ tranh bìa sách một số cuốn Hồi kí và Du kí nổi tiếng | 1 | Trò chuyện cùng thiên nhiên |  |
| 5 | Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận: mở bài, thân bài, kết bài; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng | 1 | Những góc nhìn cuộc sống |  |
| 6 | Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin. | 1 | Mẹ Thiên Nhiên |  |
| 7 | Tranh minh họa: Mô hình hóa quy trình viết 1 văn bản và Sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản | 3 | Lắng nghe lịch sử nước mình  Miền cổ tích  Những trải nghiệm trong đời |  |
| 8 | Sơ đồ mô hình một số kiểu văn bản có trong chương trình | 6 | Lắng nghe lịch sử nước mình  Miền cổ tích  Những trải nghiệm trong đời  Những góc nhìn cuộc sống  Trò chuyện cùng thiên nhiên  Điểm tựa tinh thần |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| **CẢ NĂM: 140 tiết**  **(Học kì I: 72 tiết, Học kì II: 68 tiết)** | | | |
| **HỌC KÌ I: 72 tiết** | | | |
| 1 | **Bài mở đầu: Hòa nhập vào môi trường mới** | 2 | ***1. Kiến thức:***  HS nắm được các nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 6, một số phương pháp học tập, các trục kĩ năng  ***2. Năng lực:***  **a. Năng lực chung:**  Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề  **b. Năng lực đặc thù:**  - Nhận biết được một số nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 6  - Biết được một số phương pháp học tập môn Ngữ văn  - Nêu được những suy nghĩ cảm xúc riêng của bản thân  ***3. Phẩm chất:***  - Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với việc học tập của bản thân |
| 2 | **Bài 1: Lắng nghe lịch sử nước mình** | 13 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (truyện dân gian, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, yếu tố kì ảo).  - Tái hiện lịch sử đất được thể hiện qua 4 văn bản đọc.  - Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), nghĩa của từ ngữ.  - Thành ngữ, nghĩa của một số thành ngữ.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, yếu tố kì ảo).  - Nhận biết và phân tích được nhân vật qua các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm và tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.  - Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản. Nhận biết được nghĩa một số thành ngữ thông dụng trong văn bản.  - Tóm tắt được nội dung chính của văn bản bằng sơ đồ.  - Biết thảo luận nhóm nhỏ về một số vấn đề cần có giải pháp thống nhất.  ***3. Phẩm chất:***  - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước, trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc. |
| 3 | **Bài 2: Miền cổ tích** | 12 | ***1. Kiến thức:***  - Các yếu tố của truyện cổ tích: Chi tiết, đề tài, nhân vật, chủ đề.  - Đặc điểm, chức năng của trạng ngữ.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết truyện cổ tích; Tóm tắt văn bản; Viết, kể lại truyện cổ tích.  - Biết sử dụng trạng ngữ.  ***3. Phẩm chất:***  - Có tấm lòng nhân ái, yêu thương mọi người, tôn trọng sự khác biệt. |
| **Kiểm tra giữa kì I: 2 tiết** | | | |
| 4 | **Bài 3: Vẻ đẹp quê hương** | 14 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (thơ lục bát, cách viết thơ lục bát, đề tài và cảm xúc về thơ lục bát).  - Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.  - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra  - Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện ý nghĩa của văn bản.  - Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.  -Yêu vẻ đẹp quê hương.  ***3. Phẩm chất:***  - Nhân ái, tự hào, trân quý những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương. |
| 5 | **Bài 4: Những trải nghiệm trong đời** | 13 | ***1. Kiến thức:***  Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.  Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.  ***2. Năng lực:***  Giúp học sinh phát triển:  **\* Năng lực chung**  *Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm kiếm nguồn học liệu qua các kênh sách hoặc trên internet; hoàn thành các phiếu học tập được giao; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.  *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp; biết sống hòa hợp và hóa giải các mâu thuẫn, thiết lập mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm.  *Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.  \* **Năng lực chuyên biệt:**  *Năng lực ngôn ngữ:* Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy, sử dụng từ ngữ, đặt câu chuẩn xác.  *Năng lực thẩm mĩ*: HS khám phá, thưởng thức, rung cảm về những cái đẹp qua 4 văn bản trong bài học, vận dụng trong cách đặt câu và hình thành đoạn văn, bài văn.  ***3. Phẩm chất:***  *Nhân ái:* biết yêu thương, đùm bọc mọi người; biết cảm thông, độ lượng, sẵn lòng giúp đỡ người khác.  *Trung thực:* Thật thà, ngay thẳng; biết đứng ra bảo vệ lẽ phải, biết nhận lỗi, sữa lỗi.  *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với chính bản thân mình và cộng đồng. |
| 6 | **Bài 5: Trò chuyện cùng thiên nhiên** | 13 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (Hồi kí, hình thức ghi chép, cách kể, người kể chuyện).  - Lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.  - Biện pháp tu từ Ẩn dụ, Hoán dụ.  **-** Văn tả cảnh sinh hoạt.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.  - Nhận biết được chủ đề của văn bản, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận biết được biện pháp tu từ Ẩn dụ, Hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi nói và viết.  - Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về cảnh sinh hoạt.  - Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.  ***3. Phẩm chất:***  - Yêu nước, nhân ái, yêu thiên nhiên, sống chan hòa với thiên nhiên. |
| **Ôn tập và kiểm tra cuối học kỳ I: 3 tiết** | | | |
| **HỌC KÌ II: 68 tiết** | | | |
| 7 | **Bài 6: Điểm tựa tinh thần** | 12 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).  - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử gợi ra từ văn bản  - Ý nghĩa của dấu ngoặc kép.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm nhân vật trong truyện, nhận biết được đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nhận biết được nghĩa văn cảnh của một từ ngữ khi được đặt trong dấu ngoặc kép; chỉ ra được những đặc điểm, chức năng cơ bản của đoạn văn và văn bản.  - Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.  - Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.  ***3. Phẩm chất:***  - Biết yêu thương và sống có trách nhiệm với mọi người xung quanh mình. |
| 8 | **Bài 7: Gia đình thương yêu** | 12 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (thơ, thơ tự do, yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ, ngôn ngữ thơ).  - Tình cảm gia đình được thể hiện qua 3 văn bản đọc.  - Từ đa nghĩa, từ đồng âm.  - Đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ; nêu được tác dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.  - Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.  ***3. Phẩm chất:***  Nhân ái, chan hòa, yêu thương, quan tâm người trong gia đình, sống có ước mơ. |
| **Kiểm tra giữa kì II: 2 tiết** | | | |
| 9 | **Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống** | 12 | ***1. Kiến thức:*** Các yếu tố cơ bản của văn bản nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bảnthân.  ***3. Phẩm chất:***Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người. |
| 10 | **Bài 9: Nuôi dưỡng tâm hồn** | 12 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn:một số yếu tố truyện ( chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, tình cảm , cảm xúc của người viết).  - Đời sống tâm hồn của con người được thể hiện qua các văn bản.  - Cấu trúc câu.  - Tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ( chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, tình cảm , cảm xúc của người viết).  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật (hình dáng, trang phục, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật); những điểm giống và khác nhau giữa các nhân vật chính qua các văn bản khác nhau.  - Nhận biết được cấu trúc câu, hiểu được tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.  - Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm của bản thân.  - Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.  ***3. Phẩm chất:***  - Yêu con người, yêu cái đẹp; lòng biết ơn; trân trọng, yêu quý những món quà tinh thần, những kỉ niệm.... |
| 11 | **Bài 10: Mẹ Thiên Nhiên** | 12 | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (văn bản thông tin, sa-pô, nhan đề, đề mục, ...)  - Thuyết minh tường thuật lại một sự kiện  - Dấu chấm phẩy  - Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu, sơ đồ) được sử dụng trong văn bản  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Nhận biết được tác dụng của một số yếu tố, chi tiết trong văn bản thông tin; cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả; tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.  - Nhận biết dấu chấm phẩy; các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và công dụng của chúng.  - Bước đầu viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện; tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.  ***3. Phẩm chất:***  - Yêu quý, trân trọng thiên nhiên, tạo vật và sự sống của muôn loài. |
| 12 | **Bài 11 : Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?** | 3  (GV chọn 2 trong 3 tình huống) | ***1. Kiến thức:***  - Cách lựa chọn sách và phương pháp đọc sách.  - Cách bộc lộ tình cảm với người thân.  - Khái niệm cơ bản về góc truyền thông.  ***2. Năng lực:***  - Biết vận dụng kiến thức đời sống, kiến thức văn học và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe để giải quyết một tình huống.  - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua các bước: xác định vấn đề; đề xuất và lựa chọn giải pháp; thực hiện giải pháp; đánh giá giải pháp.  - Phát triển khả năng tư duy độc lập; biết chú ý các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***3. Phẩm chất:***  Quan tâm, yêu thương người khác; say mê đọc sách. |
| **Ôn tập và kiểm tra cuối học kỳ II: 3 tiết** | | | |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Sau khi kết thúc bài 2 | ***1. Kiến thức***  - Tri thức truyện truyền thuyết, truyện cổ tích  - Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), nghĩa của từ ngữ.  - Thành ngữ, nghĩa của một số thành ngữ.  -Đặc điểm, chức năng của trạng ngữ.  - Viết một đoạn văn, bài văn kể lại một truyền thuyết, cổ tích.  ***2. Năng lực***  - Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết, truyện cổ tích.  - Nhận biết và phân tích được nhân vật qua các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm và tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.  - Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản. Nhận biết được nghĩa một số thành ngữ thông dụng trong văn bản.  - Biết sử dụng trạng ngữ.  - Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy, sử dụng từ ngữ có chọn lọc khi viết đoạn văn, bài văn.  ***3. Phẩm chất***  - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước, trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc.  *- Trung thực:* Thật thà, ngay thẳng; biết đứng ra bảo vệ lẽ phải, biết nhận lỗi, sữa lỗi.  *- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với chính việc học của mình. | Tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Sau khi kết thúc bài 5 | ***1. Kiến thức:***  - Các tri thức văn học, tiếng việt, tạo lập văn bản HKI  - Viết được đoạn văn, bài văn kể lại một truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, tả cảnh sinh hoạt.  ***2. Năng lực:***  - Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy, sử dụng từ ngữ có chọn lọc khi viết đoạn văn, bài văn.  - Nhận biết, phát hiện các tri thức tiếng Việt, đưa ra ý kiến của bản thân qua ngữ liệu, biết lựa chọn ngôn từ để viết bài văn.  ***3. Phẩm chất:***  *Trung thực:* Thật thà, ngay thẳng; biết đứng ra bảo vệ lẽ phải, biết nhận lỗi, sữa lỗi.  *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với chính việc học của mình. | Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Sau khi kết thúc bài 7 | ***1.Kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (truyện, truyện đồng thoại, thơ…)  - Ý nghĩa của dấu ngoặc kép.  - Từ đa nghĩa, từ đồng âm.  - Đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.  - Viết được một văn bản về một cuộc họp, thảo luận hay một vụ việc.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm của truyện, thơ…  - Nhận biết dấu ngoặc kép, từ đa nghĩa, đồng âm.  - Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy, sử dụng từ ngữ có chọn lọc khi viết đoạn văn, bài văn.  ***3. Phẩm chất:***  - Biết yêu thương và sống có trách nhiệm với mọi người xung quanh mình.  *- Trung thực:* Thật thà, ngay thẳng; biết đứng ra bảo vệ lẽ phải, biết nhận lỗi, sữa lỗi.  *- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với chính việc học của mình. |  |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Sau khi kết thúc bài 11 | ***1. Kiến thức:***  - Các tri thức văn học, tiếng việt, tạo lập văn bản HKII  - Viết được một văn bản về một cuộc họp, thảo luận hay một vụ việc; thuyết minh về một sự kiện.  - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.  - Viết được đoạn văn, bài văn trình bày ý kiến về hiện tượng trong đời sống, kể lại một trải nghiệm đáng nhớ,  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết, phát hiện các tri thức tiếng Việt, đưa ra ý kiến của bản thân qua ngữ liệu, biết lựa chọn ngôn từ để viết bài văn.  - Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy, sử dụng từ ngữ có chọn lọc khi viết đoạn văn, bài văn.  ***3. Phẩm chất:***  *Trung thực:* Thật thà, ngay thẳng; biết đứng ra bảo vệ lẽ phải, biết nhận lỗi, sữa lỗi.  *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với chính việc học của mình. | Tự luận |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................  **TỔ:** .............................................................................. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 20..... - 20.....)

**1. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

….

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................  **TỔ:** ..............................................................................  Họ và tên giáo viên: ..................................................... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ............................., LỚP............**

(Năm học 20..... - 20.....)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Thời điểm  (3) | Thiết bị dạy học  (4) | Địa điểm dạy học  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn** (đối với cấp trung học phổ thông)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Thời điểm  (3) | Thiết bị dạy học  (4) | Địa điểm dạy học  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.*

*(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.*

*(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).*

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | *… ngày tháng năm*  **GIÁO VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục IV**

**KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:...................**  **Tổ:............................** | Họ và tên giáo viên:  …………………… |

**TÊN BÀI DẠY: …………………………………..**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ……….; lớp:………

Thời gian thực hiện: (số tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

**2. Về năng lực:** Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

**3. Về phẩm chất:** Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)*

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lí tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành…) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lí tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.*

d) Tổ chức thực hiện: *Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).*

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.*

d) Tổ chức thực hiện: *Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.*

c) Sản phẩm: *Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.*

d) Tổ chức thực hiện: *Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.*

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.*

**Ghi chú**:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.

3. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ học sinh phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức tổ chức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của giáo viên).

- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kĩ năng để học sinh ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà học sinh phải thực hiện tiếp theo./.

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)